TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG** Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST Ngày: 03-4-2019 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018. về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 02 năm 2019 và quyết định và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST ngày 14 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Kim N.

Địa chỉ: ấp Ngãi Hòa, xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

2. Bị đơn: Trần Văn T.

Địa chỉ: ấp Thạnh Quới 1, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2018 nguyên đơn chị Mai Kim

N trình bày: Chị và anh Trần Văn T chung sống từ năm 2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm, tính không hợp. Nên đến năm 2010 chị N và anh T ly thân đến nay. Chị N yêu cầu được ly hôn với anh T.

Con chung: Có 01 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 21/9/2009 đang sống chung với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi cháu N, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có.

Tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện: giấy chứng minh nhân dân (bản sao), giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), sổ hộ khẩu (bản sao), giấy khai sinh (bản sao).

Quá trình thu thập chứng cứ: Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt, dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Mai Kim N trình bày và giữ nguyên yêu cầu như quá trình thu thập chứng cứ; Bị đơn anh Trần Văn T vắng mặt, chưa thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Tố tụng: Chị Mai Kim N có gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T và được nuôi con chung, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, nuôi con. Đây là vụ án về hôn nhân gia đình, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn anh Trần Văn T tại ấp Thạnh Quới 1, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Trần Văn T dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Mai Kim N và anh Trần Văn T chung sống từ năm 2009 có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của chị N, anh T là hợp pháp. Ngày 04/10/2018 chị Mai Kim N có yêu cầu ly hôn, vì cho rằng hôn nhân không hạnh phúc, do tính không hợp nên vợ chồng thường xuyên bất hòa hay cãi vã. Anh Trần Văn T chưa thể hiện ý kiến. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau….." nhưng theo thừa nhận của chị Mai Kim N tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc và hiện tại chị và anh T đã ly thân từ năm 2010, trong thời gian ly thân anh chị không có sự quan tâm với nhau. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị N, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3]. Con chung: chị Mai Kim N khai có 01 con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 21/9/2009, anh Trần Văn T vắng mặt chưa thể hiện ý kiến. Thấy rằng, chị N đã cung cấp chứng cứ là giấy khai sinh cháu Trần Hạo N để chứng minh cháu N là con của chị N và anh T. Nên xác định, cháu Trần Hạo N là con chung của chị Mai Kim N và anh Trần Văn T. Chị N có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy, từ khi chị N, anh T ly thân cháu N sống chung với chị N và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình "…nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Tính đến nay cháu N gần 10 tuổi, tại bút lục số ….. cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ. Đây là sự tự nguyện của cháu và phù hợp quy định pháp luật, nên tiếp tục giao cháu Trần Hạo N cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4]. Cấp dưỡng: Chị Mai Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hạo N, nhưng chị chưa yêu cầu cấp dưỡng, nên Tòa chưa xem xét.

[5]. Tài sản chung: Chị Mai Kim N khai không có, nên không xem xét.

[6]. Nợ chung: Chị Mai Kim N khai không có, nên không xem xét.

[7]. Án phí sơ thẩm: Chị Mai Kim N nộp theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 177, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Mai Kim N. Chị Mai Kim N được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Con chung: Chị Mai Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Hạo N, sinh ngày 21/9/2009. Anh Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung Trần Hạo N không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn: Chị Mai Kim N chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện theo biên lai thu số 0016359 ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND xã Hòa Bình, H Trà Ôn, Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Tuyết Mai